TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ N** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 12/2019/HNGĐ-ST Ngày: 07/05/2019 *V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N - TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xút xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:*Ông Nguyễn Ngọc Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thinh.

Ông Lê Văn Tú.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thu Hương, Thẩm tra viên - Toà án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 323/2018/TLST- HNGĐ ngày 23/12/2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 04 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2019/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 04 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đoàn Hồng H, sinh năm 1972;

- Bị đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1976;

Cùng địa chỉ: số 41, đường P, phố P, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

(Anh H có mặt; chị T vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình hòa giải và tại phiên tòa Nguyên đơn anh Đoàn Hồng H trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lê Thị T tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 24/10/1999 tại Uỷ ban nhân dân phường N, thành phố N. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc tại phường N, thành phố N cùng gia đình Anh được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trong cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung trong cách nuôi dạy con cái; chị T đi làm xa nhà, không có trách nhiệm với gia đình, chồng con, từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng xa cách, rạn nứt. Đến nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể cải thiện được cuộc sống chung. Năm 2017 anh đã nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố N, Tòa đã xử không chấp nhận đơn khởi kiện của anh. Mặc dù vợ chồng vẫn

chung sống cùng mái nhà nhưng không còn tình cảm, không quan tâm gì đến nhau nữa. Anh xác định cuộc sống hôn nhân giữa anh và chị T không thể kéo dài, vì vậy anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lê Thị T.

* Về con chung: Anh và chị Lê Thị T có 02 con chung là cháu Đoàn Bảo L, sinh ngày 03/08/2000 và cháu Đoàn Thanh H, sinh ngày 28/02/2012, hiện nay hai cháu vẫn ở cùng vợ chồng anh. Tuy nhiên cháu Đoàn Bảo L đến nay đã đủ 18 tuổi, cháu đã trưởng thanh vì vậy anh không đề nghị giải quyết; còn cháu Đoàn Thanh H anh sẽ nhường quyền cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc anh sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng chị T. Nếu chị T không đồng ý thì Anh sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

* Về tài sản chung, công nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bản tự khai, quá trình hòa giải bị đơn chị Lê Thị T trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân: chị thừa nhận quá trình kết hôn và chung sống của vợ chồng như anh H trình bày là đúng. Do công việc của chị xa nhà, chị dạy học ở tỉnh Thanh Hóa cứ cuối tuần mới về nhà. Chị nhận thấy trong quá trình chung sống vợ chồng không có gì mâu thuẫn cả; do ở chung với bố mẹ chồng nên mọi việc trong gia đình đều do bố mẹ chồng chị quyết định. Cuộc sống vợ chồng không có mâu thuẫn xích mích hay đanh nhau gì cả. Vài năm gần đây do làm ăn kinh tế bị mất mát cả nhà cửa, vợ chồng chị bán cả ngôi nhà đi và ở cùng với bố mẹ chồng, có lẽ do tâm lý buồn chán và những suy nghĩ khác nên anh H mới làm đơn ly hôn. Chị thấy giữa vợ chồng chị không có gì mâu thuẫn, vợ chồng vẫn sống chung một mái nhà, chị muốn vợ chồng về đoàn tụ để cùng nôi dạy con chung. Vì vậy chị không nhất trí ly hôn.

* Về con chung: chị và anh H có 02 con chung như anh H trình bày là đúng do cháu Đoàn Bảo L đến nay đã đủ 18 tuổi, cháu đã trưởng thanh vì vậy chị không đề nghị giải quyết; còn cháu Đoàn Thanh H còn nhỏ chị đề nghị tòa án giải quyết cho chị được nuôi cháu và yêu câu anh H cấp dưỡng nuôi cháu H cùng chị là 2.500.000 đồng/01 tháng.

* Về tài sản chung, công nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N có quan điểm*:**

** Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:*

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: anh H xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với bị đơn chị Lê Thị T có nơi cư trú tại phường N, thành phố N, nên Toà án nhân dân thành phố N thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại các điều 28, 35 và 39 BLTTDS.

Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách tố tụng trong vụ án đầy đủ, chính xác.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 203 BLTTDS, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo về hình thức, nội dung.

Thời hạn gửi hồ sơ, văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát đảm bảo quy định của pháp luật, việc tống đạt các văn bản tố tụng, niêm yết các văn bản tố tung cho đương sự thực hiện đúng quy định của BLTTDS.

Việc giao nộp tài liệu chứng cứ: thực hiện đúng các quy định tại Điều 96 BLTTDS, các tài liệu là bản sao đều có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.

** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa:*

Phiên tòa hôm nay diễn ra theo thời gian với thành phần Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đúng như trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên toà hôm nay Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của BLTTDS.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định BLTTDS; bị đơn không thực hiện đúng các quy định BLTTDS.

- Về đường lối giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56, 59, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và xử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Xử ly hôn giữa anh Đoàn Hồng H và chị Lê Thị T.

Về con chung: Giao cháu Đoàn Thanh H, sinh ngày 28/02/2012 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là 2.500.000 đồng/01 tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung , công nợ chung không đặt ra xem xét.

Về án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con anh H nộp toàn bộ theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, xét thấy:

[1]. Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: anh Đoàn Hồng H khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với chị Lê Thị T có nơi cư trú tại phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình. Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

- Về sự vắng mặt của đương sự: chị Lê Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt; Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 BLTTDS.

[2]. Về nội dụng khởi kiện:

- Quan hệ hôn nhân: anh H và chị T kết hôn với nhau trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 24/10/1999 tại Uỷ ban nhân dân phường N, thành phố N đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

- Về yêu cầu khởi kiện: quá trình giải quyết, hòa giải anh H vẫn khẳng định từ sau thời điểm Tòa án xử không chấp nhận đơn khởi kiên xin ly hôn của anh tháng 8 năm 2017 đến nay, dù vợ chồng vẫn chung sống cùng mái nhà nhưng không còn tình cảm, không quan tâm gì đến nhau nữa và xác định cuộc sống hôn nhân giữa anh và chị T không thể kéo dài. Chị T cũng thừa nhận do công việc của chị xa nhà, chị dạy học ở tỉnh Thanh Hóa cứ cuối tuần mới về nhà nên cũng ít có thời gian quan tâm đến gia đình, song vợ chồng không có mâu thuẫn lớn, không có đánh, cãi, chửi nhau hay gây mất trật tự phố, phường phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương. Mặc dù anh H chị T vẫn sống chung mái nhà nhưng không còn quan tâm đến nhau được thể hiện thông qua phiên tòa chị T không đến, để thể hiện quan điểm, thể hiện ý kiến của mình cũng như chị T không có bất cứ biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Như vậy, có thể khẳng định: Tình cảm vợ chồng và đời sống chung giữa anh H và chị T không còn, quan hệ hôn nhân chỉ là hình thức, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H là phù hợp với thực trạng diễn biến quan hệ hôn nhân giữa anh H với chị T và phù hợp với pháp luật được quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Giữa anh H và chị T có 02 con chung là cháu Đoàn Bảo L, sinh ngày 03/08/2000 và cháu Đoàn Thanh H, sinh ngày 28/02/2012. Quá trình hòa giải các đương sự đều thống nhất cháu Đoàn Bảo L, sinh ngày 03/08/2000 đến nay đã đủ 18 tuổi, đã trưởng thành vì vậy không đề nghị giải quyết. Đối với cháu Đoàn Thanh H, sinh ngày 28/02/2012 chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc anh H đồng ý vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị T đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu H. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: tại đơn đề nghị ngày 05/5/2019 chị T yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là 2.500.000 đồng/01 tháng anh H đồng ý. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về tài sản chung, công nợ chung: không có.

[3]. Về án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con anh H phải nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 357 Bộ luật dân sự. Điều 24; khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Toà án.

Xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa anh Đoàn Hồng H và chị Lê Thị T. (Quan hệ hôn nhân giữa anh Đoàn Hồng H và chị Lê Thị T chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật).

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Đoàn Thanh H, sinh ngày 28/02/2012 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Anh H cấp dưỡng nuôi cháu H cùng chị T là 2.500.000 đồng/01 tháng kể từ tháng 05 năm 2019 đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Chị T trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Anh H không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh H.

Khi cần các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền mà anh H phải thi hành cho đến khi thi hành xong hàng tháng anh H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: không có.

4. Án phí ly hôn sơ thẩm anh Đoàn Hồng H phải nộp là 300.000^{đ} và 300.000^{đ} án phí cấp dưỡng nuôi con; tổng cộng anh H phải nộp 600.000^{đ}. Được trừ vào số tiền tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp 300.000^{đ} theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0000966 ngày 06/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N. Anh H còn phải nộp tiếp số tiền án phí là 300.000^{đ} (Ba trăm nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo:

- Anh H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.
- Chị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi gửi:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND thành phố N;
- Chi cục THADS thành phố N;
- UBND phường N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Bình